

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2018
“V/v: Tranh chấp về HN&GD”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BP**

- *Tphân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.

2. Ông Nguyễn Quang Liêu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa:* Bà Mai Thị Thanh Tâm.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 162/2018/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Huỳnh Thị Như Th; Sinh năm 1988. (Có mặt)

HKTT: Thôn 2 , xã P, huyện BÐ, tỉnh BP.

2. *Bị đơn:* Ngô Văn T; Sinh năm 1984. (Vắng mặt)

HKTT: Thôn 2 , xã P, huyện BÐ, tỉnh BP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Huỳnh Thị Như Th trình bày:

Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu, chung sống từ năm 2010, nhưng đến năm 2015 mới đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã TN cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất được với nhau trong việc quản lý kinh tế, chi tiêu trong gia đình; Anh T thường xuyên tụ tập bạn bè uống

rượu, đánh bài, chị khuyên can nhưng anh T không nghe mà còn đánh đập chị nhiều lần. Đến cuối năm 2017 đầu năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Từ tháng 5/2018 chị và con trai về nhà mẹ ruột của chị tại thôn 1, xã P tạm sống cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Chị và anh T có 01 con chung là Ngô Minh H, sinh ngày 21/11/2011, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn vì anh T ham chơi bời, nhậu nhẹt, bài bạc không đủ điều kiện nuôi con; chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Văn Th1: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo phiên họp đối thoại kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án, không tham gia phiên họp đối thoại kiểm tra giao nộp chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.

Tại biên bản xác minh ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện BĐ đại diện Ban quản lý thôn 2, xã P cho biết:“..vợ chồng anh T chị Th có xảy ra mâu thuẫn gia đình, vợ chồng hay cãi vã nhau, nguyên nhân theo dư luận là do anh T hay đánh bài”.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ trình bày ý kiến, quan điểm về vụ án: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T tự nguyện tìm hiểu sống chung với nhau từ năm 2010, đến năm 2015 đăng ký và được Ủy ban nhân xã TN, huyện BĐ, tỉnh BP cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 15/9/2015; quyền số 01/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Sau khi về sống chung với nhau và đăng ký kết hôn anh chị hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, làm ăn, quản lý kinh tế gia đình; ngoài ra anh T còn uống rượu, đánh bài và đánh đập chị Th nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp đối thoại kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án, không tham gia phiên họp đối thoại kiểm tra giao nộp chứng cứ và

phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nên coi như anh T tự từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đại diện ban quản lý thôn nơi chị Th và anh T cư trú cũng xác nhận vợ chồng anh T chị Th có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay đánh bài. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh T là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Th và anh T có 01 con chung là Ngô Minh H, sinh ngày 21/11/2011. Hiện nay chị Th có nguyện vọng trực tiếp được nuôi con chung sau ly hôn, con chung của anh T chị Th còn nhỏ, chị Th có tài sản là thửa rẫy trồng điều diện tích 15.198,9m² theo Giấy CNQSD đất vào sổ cấp số: CH04444 do Ủy ban nhân dân huyện BD ký cấp ngày 09/11/2015, có ngành nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 000219 do Ủy ban nhân dân huyện BD cấp ngày 17/8/2016, nên chị Th có đủ điều kiện nuôi con; Mặt khác, anh T từ chối tham gia tố tụng khi Tòa án giải quyết vụ án nên không có cơ sở để xem xét nguyện vọng của anh T. Vì vậy, yêu cầu của chị Th được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn là có căn cứ nên được chấp nhận. Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung nên không đặt ra.

[3] Về tài sản, nợ chung: Chị Th và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 35, 147, 171; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Huỳnh Thị Như Th được ly hôn với anh Ngô Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Ngô Minh H, sinh ngày 21/11/2011 cho chị Huỳnh Thị Như Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Như Th phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0021954 ngày 24/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh BP.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BD;
- CCTHADS huyện BD;
- UBND xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Huệ